

Số: 02/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Toàn**

## Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÍ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
<b>Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b>	<b>3.87</b>	<b>Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</b>	<b>3.92</b>
Tiêu chuẩn 1	4.00	Tiêu chuẩn 13	4.00
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	4.00
Tiêu chuẩn 6	3.86	Tiêu chuẩn 18	4.25
Tiêu chuẩn 7	3.60	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	4.00
<b>Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>	<b>3.89</b>	Tiêu chuẩn 21	3.75
Tiêu chuẩn 9	4.00	<b>Mục 4. Kết quả hoạt động</b>	<b>3.77</b>
Tiêu chuẩn 10	4.00	Tiêu chuẩn 22	4.00
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	3.83
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	3.50



## **Phụ lục II**

### **CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tâm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá được tuyên bố có tính ổn định, kế thừa, phù hợp với bối cảnh và định hướng cho sự phát triển của Nhà trường. Hệ thống quản trị và cơ cấu, nhân sự quản lý được kiện toàn đúng quy định hiện hành; các nghị quyết, văn bản quản lý được ban hành khá đầy đủ, được rà soát cập nhật. Chiến lược phát triển phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước, ngành và địa phương, tương thích với nguồn lực và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được rà soát, điều chỉnh. Công tác lập và triển khai kế hoạch, kiểm toán hoạt động tài chính được thực hiện đúng quy định; các chỉ số tài chính được xác lập, giám sát. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập, thí nghiệm, thực hành được đầu tư cơ bản đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động. Mạng lưới đối ngoại, hợp tác và đối tác được quan tâm phát triển, mở rộng.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng khá hoàn thiện; các quy định, hướng dẫn thực hiện được ban hành để thực hiện. Các mục tiêu chiến lược, chỉ tiêu phấn đấu chính được chuyển thành các kế hoạch năm học để triển khai. Các hoạt động tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài được lập kế hoạch và triển khai; kết quả được sử dụng làm căn cứ cho cải tiến chất lượng. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập, nâng cấp và có các biện pháp bảo mật, an toàn; thông tin được quản lý, lưu trữ và phổ biến khá đầy đủ. Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng bước đầu được triển khai phục vụ điều chỉnh và cập nhật các chương trình đào tạo.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách, tiêu chí, phương thức tuyển sinh được xây dựng rõ ràng và công bố công khai; công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện đúng quy định và giám sát chặt chẽ. Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật, phù hợp với mục tiêu giáo dục và ngành nghề đào tạo. Các hoạt động dạy học khá đa dạng cơ bản phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường; các hoạt động thực hành, thực tế được chú trọng. Công tác kiểm tra đánh giá được quy định khá rõ ràng để thực hiện. Các hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, chăm sóc sức khỏe, đời sống và hỗ trợ việc làm được triển khai. Quy trình quản lý khoa học công nghệ được xây dựng chặt chẽ; mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước được quan tâm mở rộng; hệ thống quản lý, bảo hộ các phát minh, sáng chế, kết quả nghiên cứu được thiết lập. Các chính sách, kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng để thực hiện sứ mạng của Trường được triển khai và được quan tâm cải tiến.

4. Về Kết quả hoạt động: Các tỉ lệ, chỉ số về kết quả đầu ra của các CTĐT được thiết lập và giám sát khá chặt chẽ. Tỉ lệ có việc làm cao, năng lực sinh viên tốt nghiệp được nhà sử dụng lao động hài lòng. Nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt được những thành tích đáng ghi



nhận; một số đề tài nghiên cứu theo đặt hàng của địa phương, doanh nghiệp đạt kết quả tốt; công bố khoa học trên hệ thống ISI, Scopus có gia tăng đáng kể. Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được thực hiện và giám sát; kết quả đóng góp cho phát triển khoa học công nghệ, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao dân trí và thiện nguyện đáng ghi nhận. Các hoạt động tài chính được thực hiện đúng quy định, được theo dõi giám sát và đối sánh theo từng lĩnh vực làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch năm tiếp theo.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Xây dựng chủ trương thay đổi, xác định giải pháp thực sự đổi mới sáng tạo; tái cấu trúc, thiết kế lại quỹ đạo phát triển để hiện thực hoá sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.
2. Kiện toàn, cải tiến cơ cấu và bộ máy quản trị để nâng cao hiệu quả trong quản trị chiến lược; nâng cao vai trò Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn trong xây dựng chính sách, kiến tạo, giám sát và tư vấn. Quy định rõ ràng trách nhiệm giải trình đảm bảo tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro của các cơ quan quản trị. Xác định rõ các tiêu chí, lộ trình, giải pháp theo thứ tự ưu tiên để thực hiện chiến lược phát triển và hiện thực hoá tầm nhìn.
3. Định kỳ rà soát cơ cấu tổ chức, các văn bản quản lý để điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật hiện hành. Củng cố các đơn vị tham mưu xây dựng chính sách và thực hiện các mục tiêu chiến lược. Sớm kiện toàn nhân sự chủ chốt quản lý bộ phận chức năng ở các lĩnh vực quan trọng. Quy định rõ chức năng, tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các đơn vị trực thuộc để triển khai các hoạt động. Có cơ chế khuyến khích, phát huy tính chủ động sáng tạo của tập thể và cá nhân.
4. Sử dụng công cụ đối sánh, lựa chọn các đối tác đối sánh phù hợp và các thực hành tốt để rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển và thực hiện cho giai đoạn mới. Xác định rõ nội dung, nội hàm của mô hình đại học cần xây dựng để làm căn cứ thiết lập các mục tiêu chiến lược. Bổ sung các chỉ số về chất lượng nghiên cứu; cập nhật các chỉ tiêu về chuyển đổi số và phục vụ cộng đồng tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững.
5. Sớm kiện toàn nhân sự lãnh đạo các phòng chức năng để tham mưu xây dựng chính sách cho các lĩnh vực trọng yếu. Ban hành quy trình, hướng dẫn và thực hiện rà soát, nội dung và giám sát sự tuân thủ, đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách từ đó ban hành các chính sách mang tính đột phá để thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn và các chỉ tiêu chiến lược. Ban hành chính thức quy định về nhiệm vụ kết nối phục vụ cộng đồng để thực hiện thống nhất, hiệu quả.
6. Thường xuyên đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp nhằm tăng số giảng viên trẻ kế cận có trình độ cao. Ưu tiên các nguồn lực để thu hút giảng viên có trình độ cao; có cơ chế và giải pháp đột phá trong giữ chân và phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành. Thực hiện đồng bộ KPIs đánh giá kết quả, đãi ngộ theo kết quả và hiệu quả công việc theo vị trí việc làm. Lấy ý kiến các bên liên quan trong rà soát, hoàn thiện và thực hiện các chính sách, quy trình về nguồn nhân lực để cải tiến.
7. Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số; đầu tư nâng cấp



trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu; cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ, viên chức và người học. Tăng cường hệ thống học liệu đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu; sớm đầu tư triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS. Tăng nguồn thu theo hướng tăng cường các hoạt động/lĩnh vực tiềm năng về đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, liên kết đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ. Ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao, thương mại hóa.

8. Xây dựng chiến lược hợp tác và phát triển theo hướng chủ động. Ban hành đầy đủ các chính sách, quy định, hướng dẫn và giải pháp cụ thể về đối ngoại trong đó chú trọng các hoạt động, dự án hợp tác quốc tế và các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên. Hình thành mạng lưới kết nối Nhà trường - Doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực và chuyển giao. Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác để cải tiến; có cơ chế, chính sách phù hợp tận dụng, phát huy hiệu quả hợp tác của giảng viên với các nhà khoa học của các cơ sở giáo dục nước ngoài.

9. Rà soát, điều chỉnh chiến lược đảm bảo chất lượng gắn kết với các mục tiêu chiến lược phát triển chung. Cập nhật, tích hợp hệ thống văn bản điều hành, hướng dẫn thực hiện và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảm bảo chất lượng. Ổn định, tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng cả về số lượng và chất lượng. Bổ sung các chỉ số, mục tiêu phân đầu chính đảm bảo bao quát các lĩnh vực hoạt động tương xứng với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu phát triển gắn với kết quả đầu ra của các hoạt động.

10. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác tự đánh giá và đảm bảo chất lượng. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng các giải pháp khắc phục triệt để các tồn tại đã được nhận diện theo thứ tự ưu tiên để nâng cao chất lượng các hoạt động. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của cán bộ, viên chức và người học và lan toả các thực hành tốt để phát triển văn hoá chất lượng.

11. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm quản lý điều hành, công thông tin điện tử tích hợp để quản lý hiệu quả thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. Ban hành quy trình rà soát thông tin thống nhất cho các lĩnh vực hoạt động; cập nhật, điều chỉnh chính sách, cơ chế quản lý thông tin. Phát triển phần mềm đảm bảo chất lượng và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo độ tin cậy của thông tin thu được làm cơ sở cho việc ra quyết định của các cấp quản lý.

12. Điều chỉnh, bổ sung quy định, tiêu chí lựa chọn đối tác trong và ngoài nước phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn; xây dựng mạng lưới đối tác đối sánh, tham khảo và sử dụng các bộ tiêu chuẩn tiêu chí của các bảng xếp hạng có sẵn để so chuẩn, đối sánh để định vị Nhà trường và tham khảo các thực hành tốt để cải tiến các mặt hoạt động.

13. Nghiên cứu giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quảng bá tuyển sinh để thu hút được người học có chất lượng. Thống kê, đánh giá, phân tích sâu kết quả của mỗi phương thức, chính sách tuyển sinh để có những điều chỉnh phù hợp, hiệu quả. Xây dựng quy trình cụ thể về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù của Nhà trường.

14. Có quy định về rà soát điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo; phân công nhiệm vụ và hướng dẫn chi tiết các bước thực hiện. Rà soát, điều chỉnh các chuẩn đầu ra của chương



trình đào tạo đảm bảo khả thi, có thể đo lường, đánh giá được và phân nhiệm chính xác cho đóng góp của các học phần. Cải tiến cấu trúc và đề cương học phần đảm bảo đầy đủ nội dung, thể hiện rõ mức độ đóng góp của học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; cập nhật các nội dung về khởi nghiệp, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực nghề nghiệp. Rà soát, đánh giá để có điều chỉnh, cải tiến trong quản lý, thực hiện các chương trình đào tạo liên thông, văn bằng 2.

15. Có hướng dẫn về cách thức chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy-học, thiết kế và lựa chọn các hình thức dạy – học phù hợp với chuẩn đầu ra. Tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm, thực tế và học kỳ doanh nghiệp; hỗ trợ phát triển tư duy sáng tạo, khả năng học tập suốt đời và năng lực ngoại ngữ cho người học. Có chính sách đột phá để thu hút giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu duy trì các chương trình đào tạo theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT.

16. Hoàn thiện các quy định về kiểm tra đánh giá cập nhật theo các yêu cầu hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có quy định và hướng dẫn chi tiết về lựa chọn sử dụng các hình thức đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra; phân tích đề thi và kết quả thi sử dụng phần mềm chuyên dụng; sớm xây dựng kế hoạch, quy trình và bộ công cụ đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo để triển khai thực hiện.

17. Có các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học. Xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực cán bộ hỗ trợ và đánh giá hiệu quả của công tác này để cải tiến. Tăng cường kết nối, hợp tác để thu hút doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động tham gia vào công tác hướng nghiệp và tạo điều kiện cho người học phát triển các kỹ năng mềm cần thiết.

18. Thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các văn bản quản lý và xây dựng hệ thống KPIs đánh giá, đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học để điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch trung hạn, hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển Trường và nhu cầu của thị trường. Tăng cường đầu tư, huy động, khai thác các nguồn lực, đặc biệt là quỹ nghiên cứu khoa học của các tổ chức doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu khoa học. Mở rộng quan hệ hợp tác trong nghiên cứu với các đối tác trong nước, quốc tế; phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với nội lực và yêu cầu của địa phương để triển khai.

19. Định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá hiệu quả của công tác quản lý sở hữu trí tuệ để có kế hoạch và biện pháp cải tiến cụ thể. Xây dựng các KPIs về sở hữu trí tuệ; đảm bảo sự kết nối chặt chẽ các KPIs từ chiến lược phát triển đến kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm. Thực hiện số hóa tài sản trí tuệ để thuận tiện cho công tác quản lý, tiếp cận thông tin và khai thác.

20. Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu trong đó cần nhấn mạnh hiệu quả hợp tác và nâng cao chất lượng nghiên cứu. Có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu, thu hút đội ngũ chuyên gia có uy tín chuyên môn cao trong và ngoài nước. Xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác, chú trọng các đối tác, trường, viện có thế mạnh trong các lĩnh vực có liên quan để có các sản phẩm hợp tác nghiên cứu, chuyển giao.

21. Mở rộng phạm vi, loại hình phục vụ cộng đồng theo hướng hỗ trợ, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực; gắn kết với địa phương để giải quyết bài toán về nguồn nhân lực, thu hút đầu tư; tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo bồi dưỡng,



chuyển giao công nghệ, tư vấn chính sách thể hiện rõ vai trò của Nhà trường. Thiết lập mạng lưới cựu người học để tăng cường khả năng kết nối, huy động các nguồn lực cho hoạt động phục vụ cộng đồng. Xây dựng hệ thống đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng; khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan để làm căn cứ cải tiến chất lượng.

22. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ tích cực giúp tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, nhất là các chương trình đào tạo thuộc khối kỹ thuật; quan tâm, theo dõi và giám sát hiệu quả đào tạo đối với bậc sau đại học, nhất là thăng tiến nghề nghiệp của người học tốt nghiệp. Khảo sát đa dạng nhà sử dụng lao động và doanh nghiệp, phân tích riêng cho từng chương trình đào tạo để có các biện pháp nâng cao chất lượng và mức độ hài lòng của các bên liên quan; thực hiện đối sánh bên ngoài từng chỉ tiêu kết quả để cải tiến.

23. Xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp; thường xuyên thực hiện đối sánh bên trong và bên ngoài các hoạt động, kết quả nghiên cứu khoa học để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu phù hợp. Có các giải pháp đột phá và phù hợp để thúc đẩy đồng bộ hoạt động nghiên cứu của giảng viên và người học; sớm xây dựng các nhóm nghiên cứu mũi nhọn, tăng cường các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm có thể chuyển giao, thương mại hóa nhằm làm gia tăng tài sản trí tuệ của Nhà trường.

24. Tăng cường kết nối với doanh nghiệp và địa phương dựa trên các lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường để giải quyết các vấn đề thực tiễn; xây dựng các chương trình kết nối phục vụ cộng đồng bài bản, toàn diện, chú trọng các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao dân trí. Đánh giá tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo từng lĩnh vực đối với xã hội, người học, cán bộ, giảng viên, nhân viên để gia tăng các tác động tích cực cho cộng đồng và cho chính những người tham gia thực hiện.

25. Xây dựng, ban hành bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường. Rà soát, đánh giá, tăng cường quản lý các chỉ số quan trọng, cốt lõi theo chiến lược phát triển Trường. Lựa chọn đối tác đối sánh phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển. Đa dạng hóa nguồn thu thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn và hợp tác quốc tế. Tăng chi cho nghiên cứu khoa học và học bổng sinh viên theo đúng quy định; chú trọng chi cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đào tạo, nghiên cứu. Xây dựng lộ trình phát triển thương hiệu VUI, tăng cường quảng bá, truyền thông để gia tăng vị thế của Nhà trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.

-----